

Số: 06/2026/QĐST-LĐ

Hưng Yên, ngày 31 tháng 03 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HƯNG YÊN**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Lê Thị Phương

*Thư ký phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên tham gia phiên họp:* Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 04/2026/TLST-LĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 039/2026/QĐST-LĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Nguyễn Thị R, sinh năm 1991; Căn cước công dân số: 034191003605

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, tỉnh Hưng Yên.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1 Công ty TNHH M, địa chỉ: Lô A A2 A3 A4 A5 A9 A11 đường T, Khu Công nghiệp P, phường V, tỉnh Hưng Yên (trước đây là Công ty TNHH M1).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị H, sinh năm 1986 – Nhân viên Phòng nhân sự - Công ty TNHH M.

2.2 Bảo hiểm xã hội tỉnh H; Địa chỉ: Số F H, phường L, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T - Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn K – Giám đốc Bảo hiểm xã hội cơ sở T (theo giấy ủy quyền số 268/QUQ-BHXH ngày 04/3/2026).

2.3. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987; Căn cước công dân số: 034187001832

Nơi cư trú: Thôn G, phường V, tỉnh Hưng Yên.

(Chị R, chị H1, người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH M và người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh H đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

### **NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

- Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, chị Nguyễn Thị R trình bày:

Tháng 9/2008, chị Nguyễn Thị R ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1 (nay là Công ty TNHH M). Chị làm việc tại Công ty TNHH M1 đến tháng 08/2009 thì nghỉ việc tại công ty. Tuy nhiên thời điểm ký hợp đồng, do không hiểu biết pháp luật nên chị có mượn chứng minh nhân dân của chị gái là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 10/10/1987 để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1. Do đó trên hợp đồng tên là Nguyễn Thị H1 nhưng thực tế chị (Nguyễn Thị R) mới là người làm việc tại Công ty TNHH M1 trong thời gian nêu trên và đóng bảo hiểm xã hội, số sổ bảo hiểm xã hội là 3409003608. Còn bản thân chị Nguyễn Thị H1 chưa từng có thời gian nào làm việc tại Công ty TNHH M1.

Cùng thời gian nêu trên chị Nguyễn Thị H1 thực tế đang làm việc tại công ty I, tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình và cũng tham gia đóng bảo hiểm xã hội, số sổ 2607016468, tên Nguyễn Thị H1. Hiện tại chị H1 đã chuyển sang làm việc tại công ty TNHH M2 và đóng bảo hiểm xã hội với số sổ 3416015625.

Nay để đảm bảo quyền lợi của bản thân và tạo điều kiện cho chị Nguyễn Thị H1 được chốt sổ BHXH. Chị Nguyễn Thị R đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị (Nguyễn Thị R) và công ty TNHH M1 (nay là công ty TNHH M) trong thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 8/2009 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật, đề nghị điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm số 3409003608 từ tên Nguyễn Thị H1 sang tên Nguyễn Thị R.

- Bà Trần Thị H - người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH M (trước đây là Công ty TNHH M1) trình bày:

Công ty TNHH M trước đây tên là Công ty TNHH M1 (MST 1000413094), từ ngày 07/8/2017 chính thức đổi tên thành Công ty TNHH M. Sau đó đến ngày 16/12/2021 đổi tên công ty từ công ty TNHH M thành Công ty TNHH M. Công ty TNHH M3 đã ký kết Hợp đồng lao động với thông tin sau: Nguyễn Thị H1; sinh ngày 10/10/1987; số CMTND:151582824; địa chỉ trước đây là: Nguyên Xá, Vũ T1, Thái Bình vào ngày 10/9/2008 và bắt đầu tham gia bảo hiểm từ tháng 9/2008 đến hết tháng 8/2009. Do hiện nay người lao động đã nghỉ việc tại công ty trên 10 năm, đã vượt quá quy định về thời gian lưu giữ hồ sơ, vì vậy hiện tại phía công ty không còn lưu trữ hợp đồng lao động của công nhân trên để cung cấp cho Tòa án theo yêu cầu.

Ngoài người có tên là Nguyễn Thị H1, công ty có ký 02 hợp đồng lao

động khác mang tên Nguyễn Thị R.

+ Hợp đồng thứ nhất: thời gian ký ngày 12/3/2011 và chấm dứt hợp đồng lao động ngày 13/7/2011. Do hiện nay người lao động đã nghỉ việc tại công ty trên 10 năm, đã vượt quá quy định về thời gian lưu giữ hồ sơ, vì vậy hiện tại phía công ty không còn lưu trữ Hợp đồng lao động của công nhân trên để cung cấp cho Tòa án.

+ Hợp đồng thứ hai: thời gian ký ngày 05/10/2011 đến nay. (Công ty có gửi kèm văn bản này là các Hợp đồng lao động đã ký với chị Nguyễn Thị R từ ngày 05/10/2011 đến nay).

Công ty TNHH M1 đã đóng cho người lao động có tên trên sổ BHXH là Nguyễn Thị H1 trong khoảng thời gian từ 9/2008 đến 8/2009. Về số tiền đóng đề nghị phía Tòa án làm việc với cơ quan Bảo hiểm xã hội cơ sở T2 để phía cơ quan Bảo hiểm xã hội xác nhận, cung cấp thông tin số tiền cho chính xác.

Công ty không biết việc chị Nguyễn Thị R mượn chứng minh thư nhân dân của chị Nguyễn Thị H1 để làm việc nên công ty thực hiện hợp đồng lao động và khai báo tham gia bảo hiểm theo các thông tin hồ sơ mang tên Nguyễn Thị H1 đã nộp vào công ty.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Hưng Yên trình bày:*

Về việc cung cấp Hợp đồng lao động (HĐLĐ) ký kết giữa Công ty TNHH M1 (nay là Công ty TNHH M) với bà Nguyễn Thị H1 từ tháng 9/2008 đến tháng 8/2009: Do thời gian đã lâu, chuyển kho lưu trữ hồ sơ nhiều lần, gặp mưa bão dẫn đến hồ sơ bị ẩm mốc, mỗi một nên hiện nay BHXH cơ sở T không lưu giữ Hợp đồng lao động của người lao động.

Bà Nguyễn Thị H1, sinh ngày 10/10/1987 có thời gian đóng BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 9/2008 đến tháng 8/2009 tại Công ty TNHH M1 được ghi nhận theo sổ sổ BHXH 3409003608 nhưng đã hưởng BHXH một lần theo Quyết định số 444/QĐ-BHXH ngày 24/5/2011 của BHXH huyện V với tổng số tiền 1.697.772 đồng; chưa hưởng BHTN thời gian từ tháng 01/2009 đến tháng 8/2009. Tổng số tiền B đã đóng là 171.930 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 85.965 đồng, người lao động đóng 85.965 đồng.

Quan điểm của BHXH cơ sở T về việc bà Nguyễn Thị R yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa chị Nguyễn Thị R (tên trên HĐLĐ và sổ BHXH là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987, sổ BHXH 3409003608) và Công ty TNHH M1 trong thời gian từ 9/2008 đến tháng 8/2009 là vô hiệu: Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết theo thẩm quyền. Sau khi có Kết luận của Tòa án, căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ- BNN cho người lao động, BHXH cơ sở T sẽ thực hiện theo đúng quy định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Tháng 9/2008, chị Nguyễn Thị R (em gái của chị) ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1. Chị R làm việc tại Công ty TNHH M1 đến tháng 08/2009 thì nghỉ việc tại công ty. Tuy nhiên thời điểm ký hợp đồng, do không hiểu biết pháp luật nên chị R có mượn chứng minh nhân dân của chị và lấy tên của chị là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 10/10/1987 để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1. Do đó trên hợp đồng tên là Nguyễn Thị H1 nhưng thực tế em gái chị là Nguyễn Thị R mới là người làm việc tại Công ty TNHH M1 trong thời gian nêu trên và đóng bảo hiểm xã hội, số sổ bảo hiểm xã hội là 3409003608. Còn bản thân chị chưa từng có thời gian nào làm việc tại Công ty TNHH M1.

Thời gian này chị (Nguyễn Thị H1) thực tế đang làm việc tại công ty I, tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình và cũng tham gia đóng bảo hiểm xã hội, số sổ 2607016468. Hiện tại chị H1 làm việc tại công ty TNHH M2 và đóng bảo hiểm xã hội với số sổ 3416015625.

Nay chị Nguyễn Thị R có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị R và công ty TNHH M1 (nay là công ty TNHH M) trong thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 8/2009 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật, đề nghị điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm số 3409003608 từ tên Nguyễn Thị H1 sang tên Nguyễn Thị R. Chị H1 hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của chị R, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị R.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị Tòa án:*

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372, Điều 401, Điều 402, khoản 1 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 16, Điều 19, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019; Luật Bảo hiểm Xã hội năm 2014; Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị R, đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa chị Nguyễn Thị R (lấy tên trên hồ sơ lao động và sổ Bảo hiểm xã hội là Nguyễn Thị H1) và Công ty TNHH M1 (nay là công ty TNHH M) trong thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 8/2009 là vô hiệu. Giao cho các cơ quan chức năng có liên quan điều chỉnh hồ sơ cho phù hợp để đảm bảo, giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Chị Nguyễn Thị R phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng và thời hiệu yêu cầu: Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1 (nay là công ty TNHH M) trong thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 8/2009; công ty này có địa chỉ trụ tại phường V, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên.

Về thời hiệu yêu cầu: Chị Nguyễn Thị R yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị (Hợp đồng mang tên Nguyễn Thị H1) và Công ty TNHH M1 (nay là công ty TNHH M) trong thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 8/2009 là vô hiệu do bị lừa dối (vi phạm nguyên tắc trung thực). Theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu là 02 năm kể từ ngày bị lừa dối hoặc phải biết giao dịch được xác lập do bị lừa dối. Tuy nhiên do các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên yêu cầu của chị R không bị coi là hết thời hiệu yêu cầu.

[2] Xét thấy việc chị Nguyễn Thị R mượn chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị H1 để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1 (nay là công ty TNHH M) là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Nguyễn Thị R là phù hợp pháp luật và cần được chấp nhận tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị Nguyễn Thị R (lấy tên trên hồ sơ lao động và sổ Bảo hiểm xã hội là Nguyễn Thị H1) và Công ty TNHH M1 (nay là công ty TNHH M) trong thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 8/2009 là vô hiệu.

[3] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký hợp đồng lao động giữa chị R (hồ sơ mượn tên chị Nguyễn Thị H1) với Công ty TNHH M1 (nay là công ty TNHH M) trong thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 8/2009 nhưng trên thực tế chị R có làm việc tại công ty trong thời gian kể trên, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc công ty có đóng bảo hiểm cho chị R (mang tên chị Nguyễn Thị H1, số CMTND 151582824, mã

số BHXH 3409003608). Do vậy chị R, chị H1 có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội cơ sở Thái Bình hoặc Bảo hiểm xã hội tỉnh H để làm thủ tục điều chỉnh thông tin BHXH từ Nguyễn Thị H1 thành Nguyễn Thị R.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372, Điều 401, Điều 402, khoản 1 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 16, Điều 19, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019; Luật Bảo hiểm Xã hội năm 2014; Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị R.
2. Tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa chị Nguyễn Thị R (lấy tên trên hồ sơ lao động và sổ Bảo hiểm xã hội là Nguyễn Thị H1, sinh ngày 10/10/1987) và Công ty TNHH M1 (nay là công ty TNHH M) trong thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 8/2009 là vô hiệu.
2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân trên mã số Bảo hiểm xã hội 3409003608 từ Nguyễn Thị H1, sinh ngày 10/10/1987 thành Nguyễn Thị R, sinh ngày 26/12/1991. Chị Nguyễn Thị R và chị Nguyễn Thị H1 có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội cơ sở Thái Bình hoặc Bảo hiểm xã hội tỉnh H để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân trên mã số BHXH 3409003608 từ Nguyễn Thị H1 sang Nguyễn Thị R.
3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị R phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị R đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000898 ngày 27/02/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên thành tiền lệ phí.
4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Nguyễn Thị R1, chị Nguyễn Thị H1, Bảo hiểm xã hội tỉnh Hưng Yên, công ty TNHH M có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 5 – Hưng Yên;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**Lê Thị Phượng**